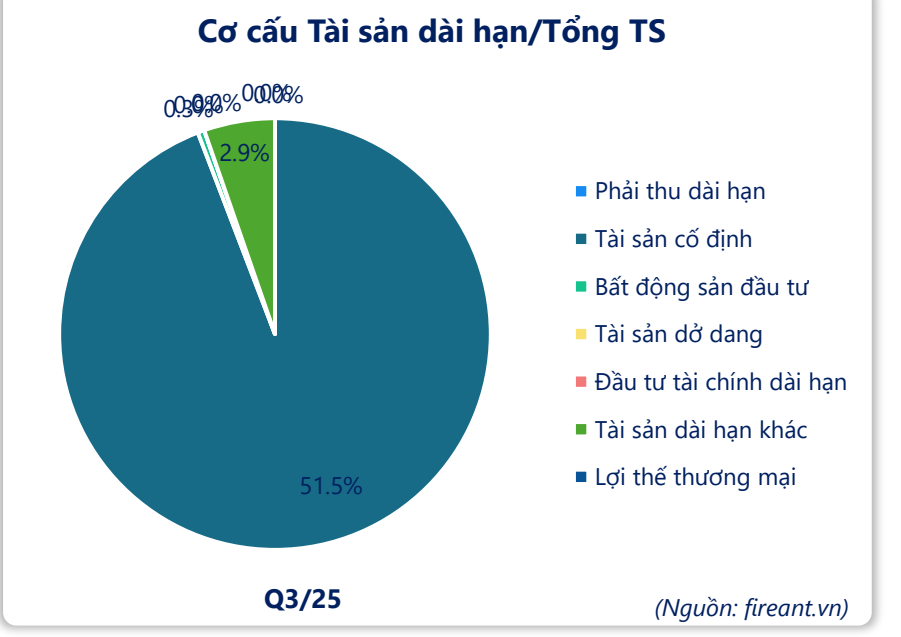
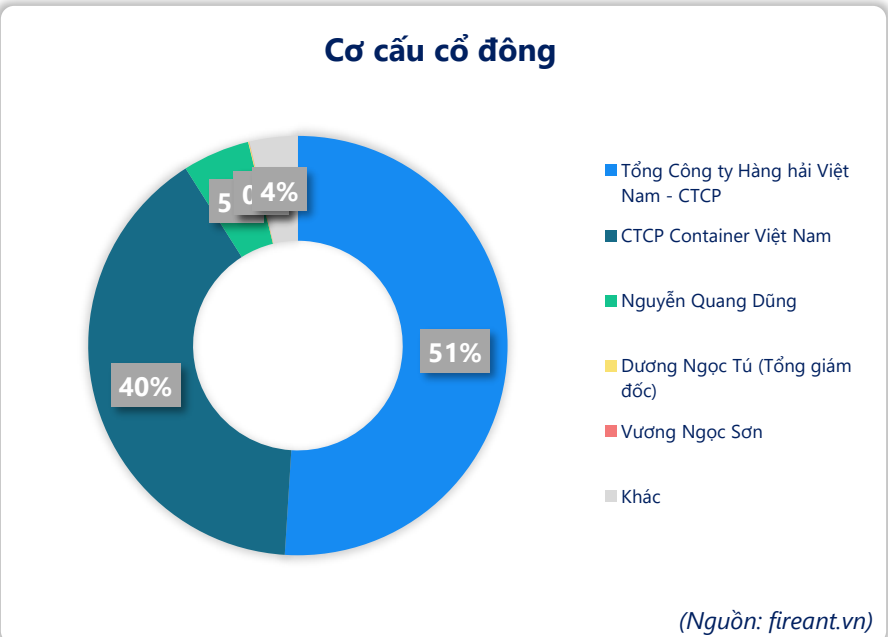
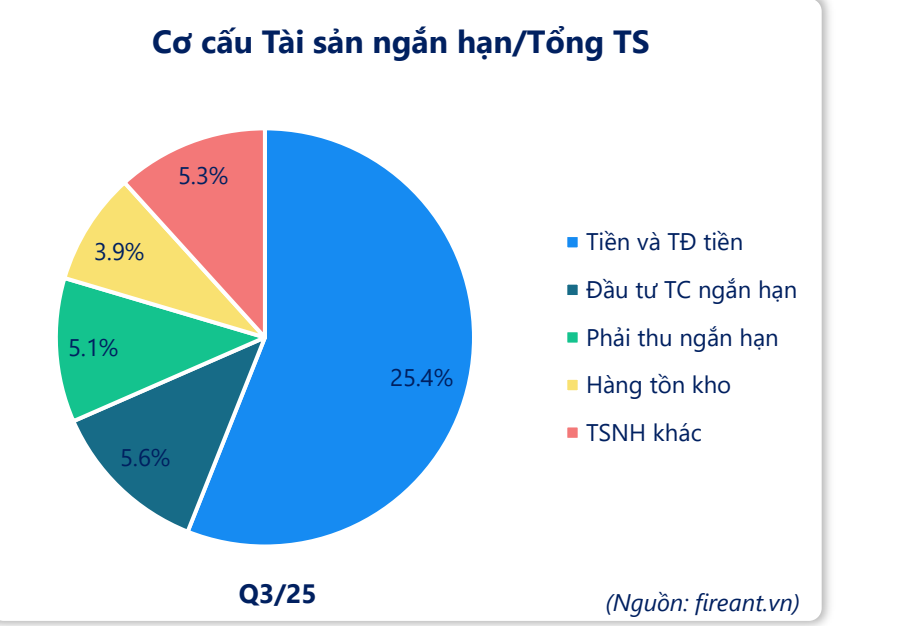
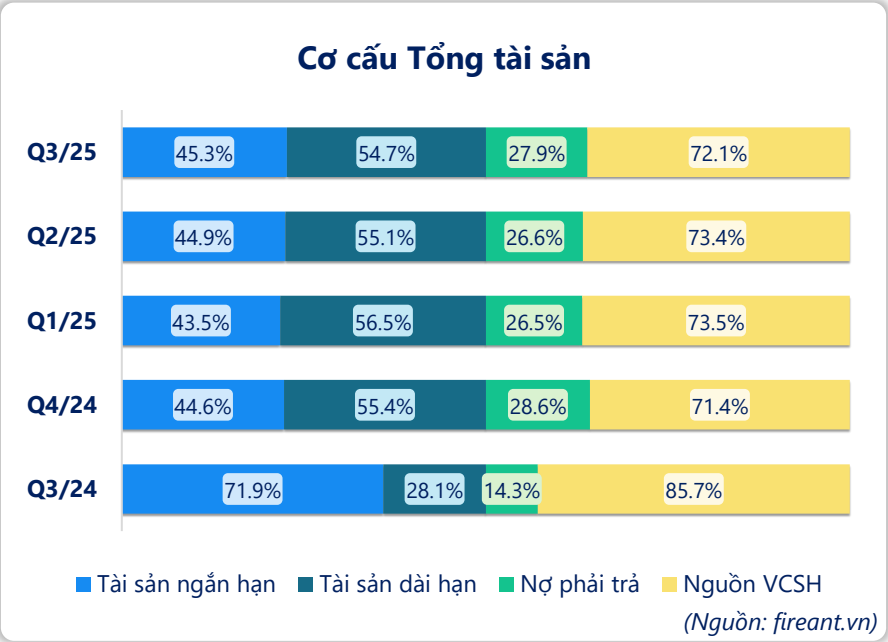
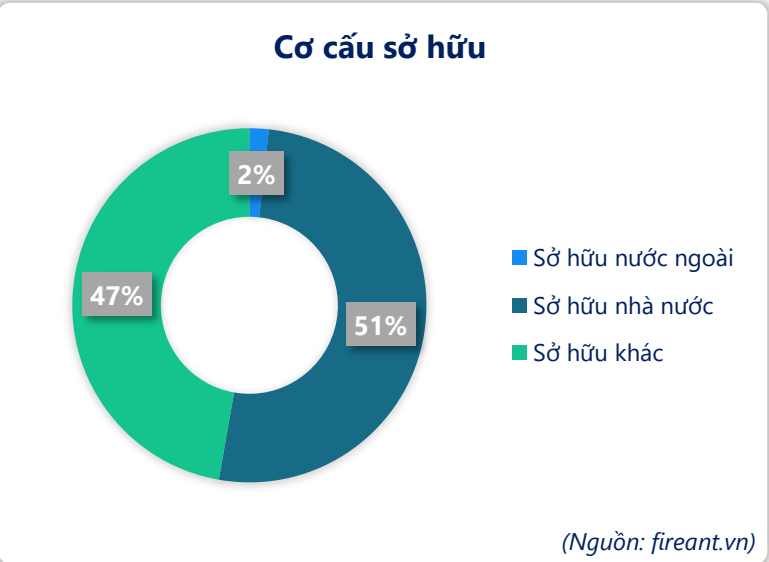
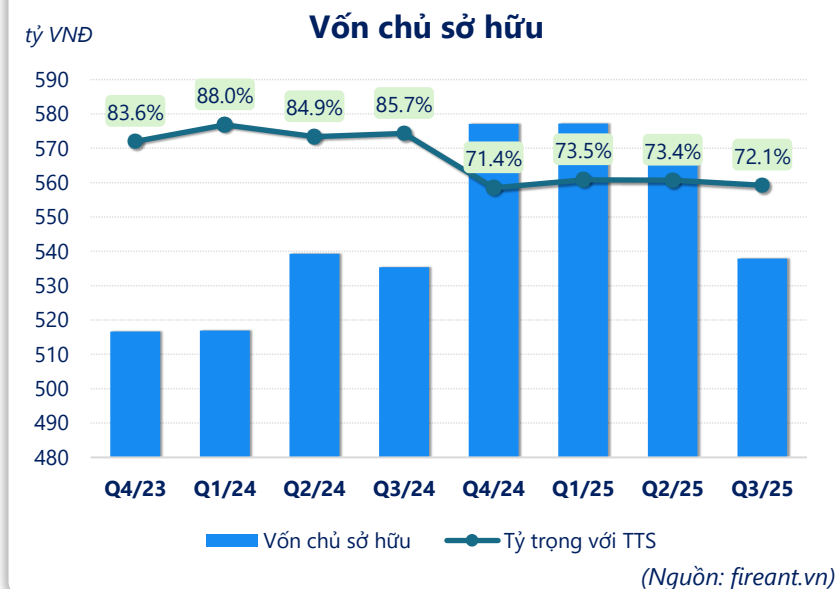
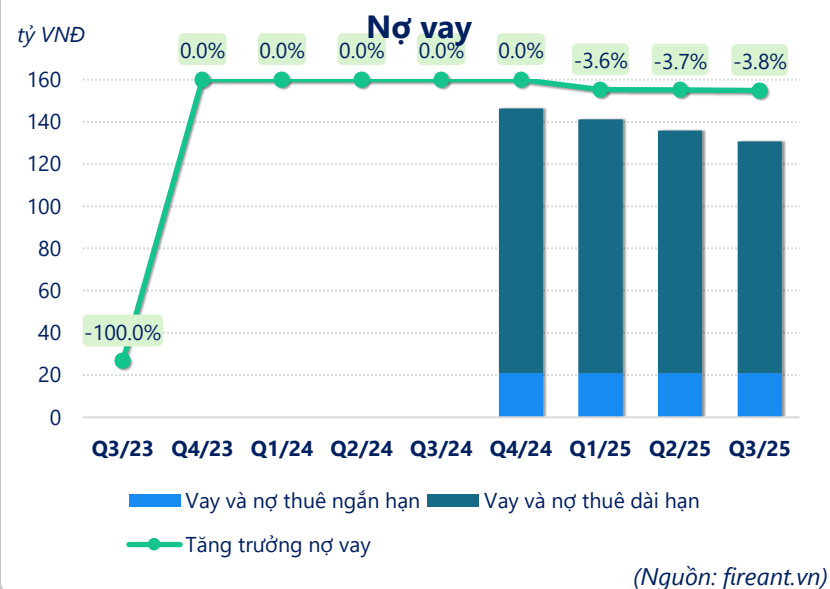
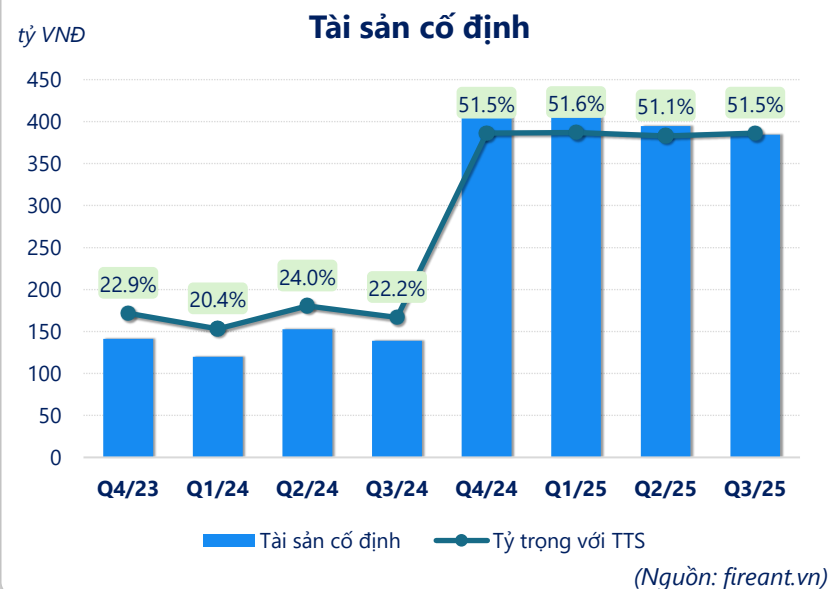
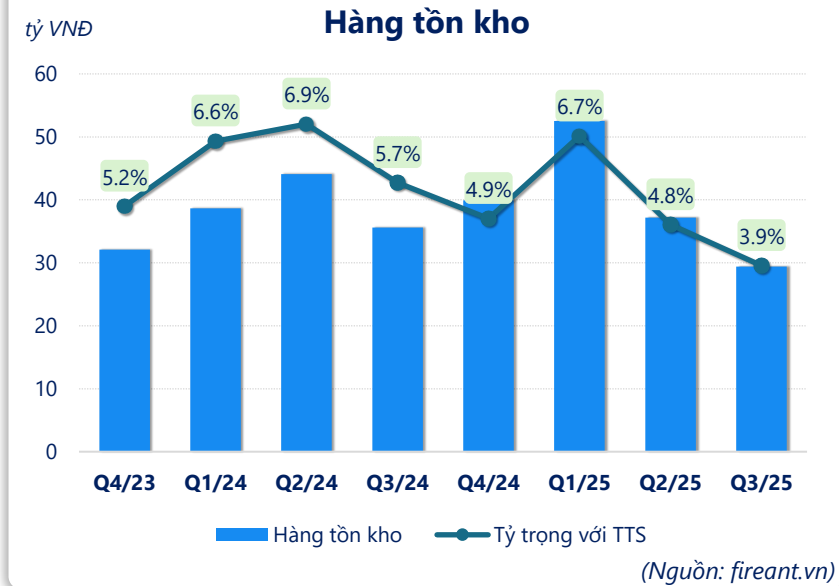
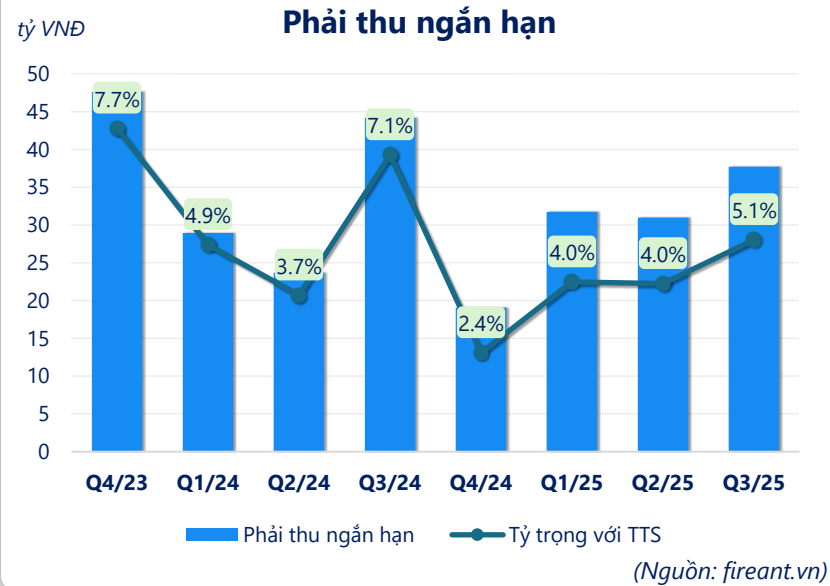
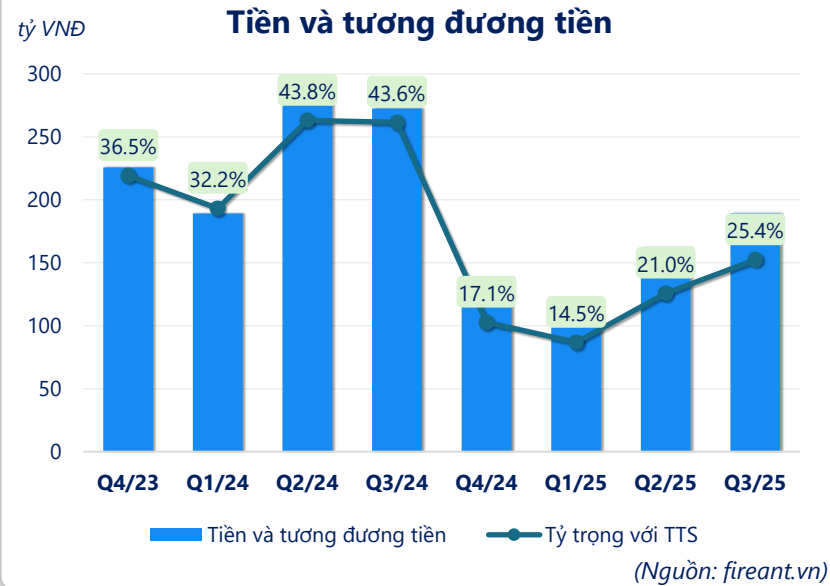
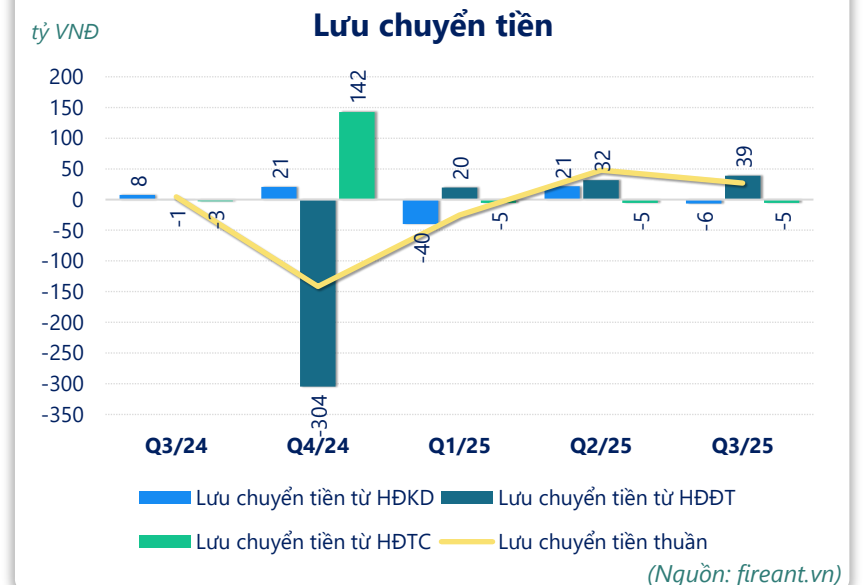
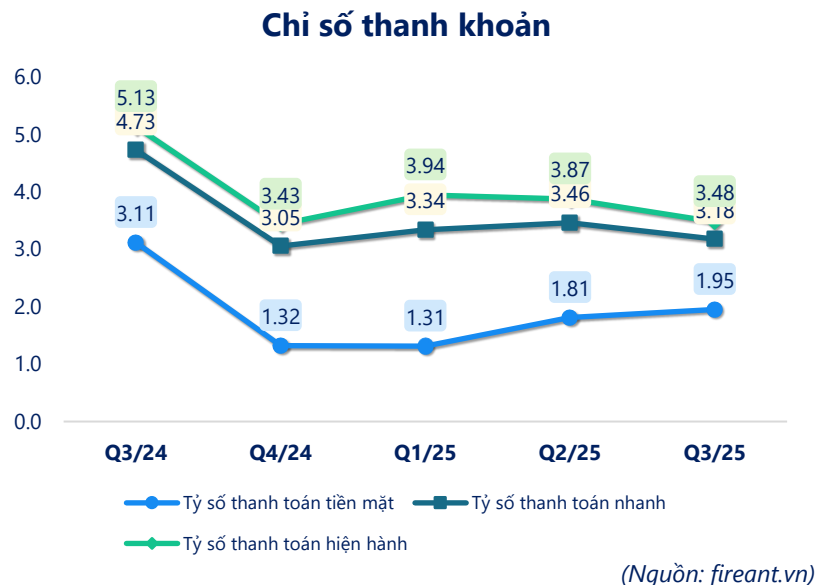
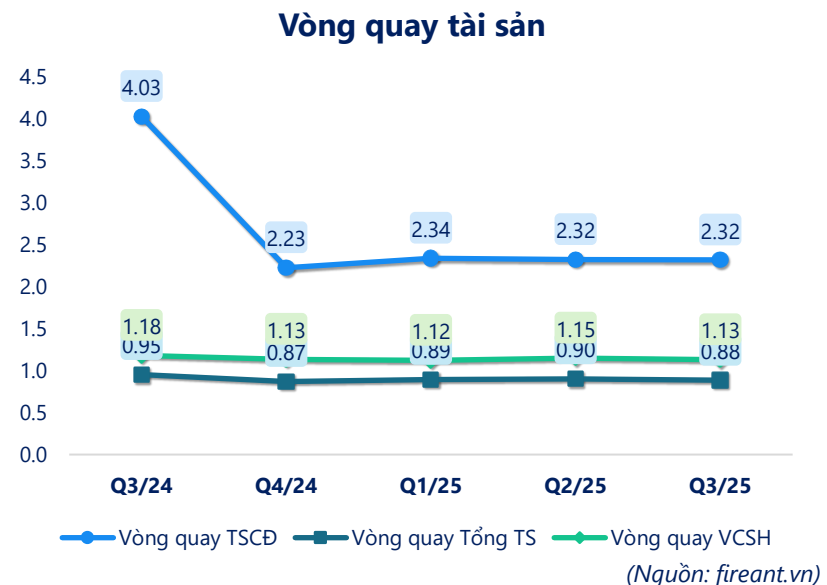
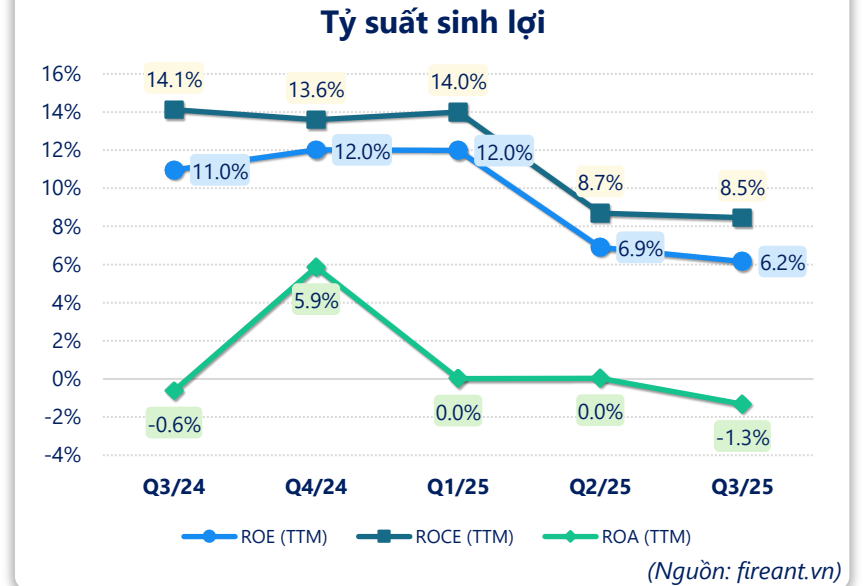
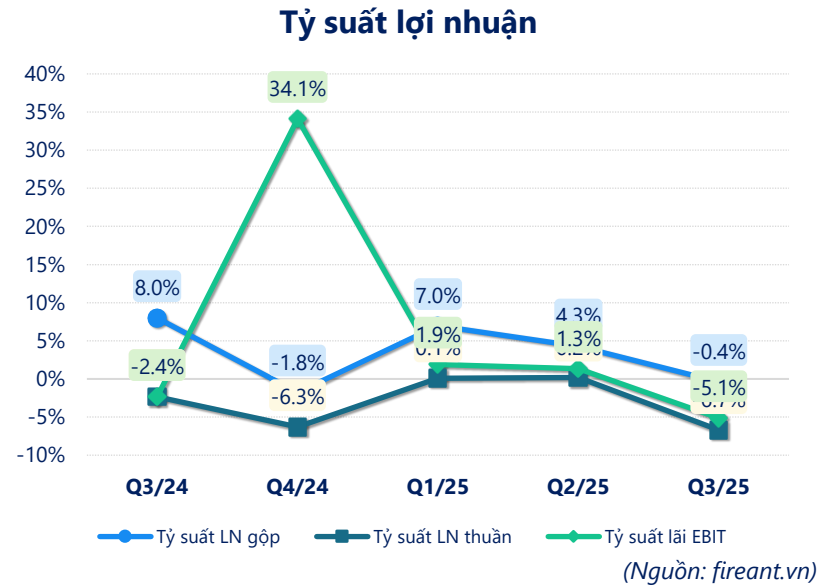
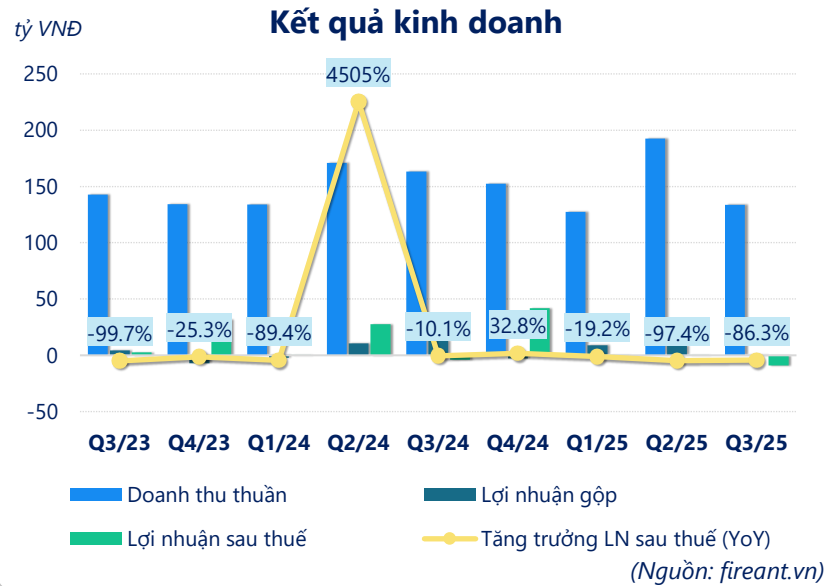


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,283
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,487
SL cổ phiếu LH		33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,370
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		609
P/E		18.4
EPS		972

	YTD	1T	3T	6T
VNA	-18.3%	-4.8%	-4.9%	-9.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	746	809	-7.7%
Tài sản ngắn hạn	338	361	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	190	139	36.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	133	-68.4%
Phải thu ngắn hạn	37.7	19.1	97.8%
Hàng tồn kho	29.4	39.9	-26.4%
Tài sản ngắn hạn khác	39.6	30.2	31.3%
Tài sản dài hạn	408	448	-8.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	384	416	-7.7%
Bất động sản đầu tư	2.05	2.64	-22.5%
Tài sản dở dang	0	1.22	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.7	27.7	-21.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	208	232	-10.0%
Nợ ngắn hạn	97.2	105	-7.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.9	20.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	27.6	-57.7%
Nợ dài hạn	111	127	-12.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	110	125	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	538	577	-6.8%
Vốn chủ sở hữu	538	577	-6.8%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	163	153	127	192	134
Giá vốn hàng bán	150	155	119	184	134
Lợi nhuận gộp	13.0	-2.69	8.85	8.22	-0.51
Doanh thu HĐTC	1.04	9.90	2.43	4.05	2.84
Chi phí TC	8.97	1.20	2.80	2.55	2.79
Chi phí lãi vay	0	0.78	2.31	2.25	2.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.83	3.33	1.99	2.71	1.70
Chi phí QLDN	7.10	12.3	6.37	6.64	6.80
LN thuần từ HĐKD	-3.82	-9.62	0.12	0.37	-8.96
Lợi nhuận khác	-0.03	60.9	-0.01	-0.04	-0.09
LN trước thuế	-3.85	51.2	0.11	0.34	-9.05
Lợi nhuận sau thuế	-3.90	41.8	0.08	0.24	-9.06
LNST của CĐ cty mẹ	-3.90	41.8	0.08	0.24	-9.06

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.65	20.6	-39.7	21.4	-6.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.65	-304	19.7	31.7	38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.60	142	-5.23	-5.23	-5.23
Tiền đầu kỳ	279	272	139	114	162
Lưu chuyển tiền thuần	4.41	-142	-25.2	47.9	26.9
Ảnh hưởng tỷ giá	-10.5	7.71	0.20	0.76	0.33
Tiền cuối kỳ	272	139	114	162	190

(Nguồn: fireant.vn)